TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST Ngày: 04 - 5 - 2026 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Điểm

2. Ông Ngô Xuân Khanh

- Thư ký phiên toà: Bà Cao Viết Xuân Hòa - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 402/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025, về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị D, sinh năm: 1993; CCCD số: 066193019763; địa chỉ thường trú: Số I, thôn B, xã K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm: 1990; CCCD số: 091090021535; địa chỉ thường trú: Ấp M, xã V, tỉnh An Giang; tạm trú: Nhà ông Chu Sỹ T1, Số E, đường Đ, Khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Ngọc L trình bày:

Về hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau bà D và ông Nguyễn Hoàng T quyết định đi đến hôn nhân và về sống chung một nhà với nhau. Sau đó, ngày 19 tháng 10 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bà D và ông T đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 19/10/2022.

Thời gian đầu cuộc hôn nhân, bà D và ông T chung sống tương đối hạnh phúc, vợ chồng yêu thương, bảo ban, chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, khoảng tháng 5/2025, bà D và ông T bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình chung sống, ông T thể hiện bản thân là người có tính cách kiểm soát, liên tục phản đối việc bà D đi làm để kiếm thêm thu nhập phụ giúp gia đình. Thời gian gần đây, bà D bắt đầu thử việc đi làm thì ông T liên hệ công ty của bà D để yêu cầu cho bà D thôi việc, gây khó dễ để bà D không thể đi làm. Ngoài ra, ông T thường xuyên có hành vi che giấu đối với những khoản tiền nợ mà ông T vay mượn trước thời kỳ hôn nhân, điều này gây áp lực cho tinh thần của bà D khi có một người chồng luôn che giấu mọi việc. Hành vi của ông T2 là vì phạm nghĩa vụ vợ chồng. Từ những hành vì đó dẫn đến tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay, bà D làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết cho bà D được ly hôn ông T theo quy định của pháp luật hiện hành.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà D, ông T có 01 con chung là Nguyễn Hoàng An N, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2023, giới tính nữ. Căn cứ tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn…*

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con."

Hiện nay, con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Về điều kiện kinh tế, điều kiện chăm sóc thì ông T làm công việc tài xế mặc dù có thu nhập nhưng thời gian đưa đón, chăm sóc không đảm bảo, thậm chí ông T2 còn nhiều lần có hành vi hạn chế, ngăn cấm bà D gặp con trong quá trình ly thân. Còn bà D có công việc ổn định, có thời gian chăm sóc con cái. Vì vậy, bà D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con trưởng thành.

Về vấn đề cấp dưỡng: Để đảm bảo cuộc sống cho con chung đầy đủ về vật chất, thể chất, tinh thần nên bà D yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp có yêu cầu, bà D sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

- Tại Bản tự khai đề ngày 19/12/2025, Đơn trình bày ý kiến ngày 02/4/2026, bị đơn ông Nguyễn Hoàng T trình bày:

Ông T, bà D kết hôn ngày 19/10/2012 tại UBND phường H, thành phố T tỉnh Bình Dương (nay là phường P - TPHCN. Trong suốt thời gian hôn nhân, ông T nhận thấy bản thân làm tròn bổn phận người chồng, người cha, chu đáo, lo toan, vun vén hạnh phúc gia đình, không vi phạm tệ nạn xã hội, không vi phạm về Luật Hôn nhân gia đìnhvề các điều về luật hôn nhân gia đình.

Trong quá trình chung sống chắc chắn sẽ có những lần vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến những xích mích nhỏ gây tranh cãi giữa vợ chồng, là điều không tránh khỏi. Bản thân ông T nhận thấy còn rất yêu thương vợ con nê không đồng ý ly hôn theo yê cầu của bà D.

Tại phiên tòa,

- Các đương sự giữ nguyên ý kiến, yêu cầu không giao nộp thêm chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến, yêu cầu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại phường C, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Bà D, ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông, bà được tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Bà D nộp đơn yêu cầu ly hôn do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, ông T có hành vi bạo lực gia đình. Ông T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không nghiêm trọng có thể hàn gắn được tình cảm và không đồng ý ly hôn. Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày của các đương sự, thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa bà D và ông T là có thật, cả hai đã sống ly thân nhau được 1 năm, trong thời gian sống ly thân, bà D đã nộp đơn ly hôn, sau đó rút đơn để tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thể hàn gắn được. Ông T thừa nhận trong thời gian vợ chồng sống ly thân có nhờ gia đình, bạn bè hai bên hòa giải, khuyên can hàn gắn nhưng vợ chồng cũng không thể đoàn tụ. Tại phiên tòa, bà D cương quyết ly hôn, không muốn chung sống với ông T.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà D và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có bác yêu cầu ly hôn của bà D thì bà D và ông T cũng không thể đoàn tụ. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

[2.2] Về con chung và nuôi con:

Căn cứ lời trình bày của bà D, ông T và chứng cứ do bà D giao nộp, Tòa xác định được: bà D và ông T có 01 con chung là Nguyễn Hoàng An N, sinh ngày 24/02/2023. Sau khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông T cầu cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng. Ông T không đồng ý giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp ông T được trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, con chung còn nhỏ đang sinh sống ổn định cùng ông T, bà D đồng ý giao con chung cho ông T nuôi dưỡng từ tháng 09/2025 đến nay. Tại phiên tòa, bà D cũng thừa nhận trong thời gian nuôi dưỡng con chung, ông T có trách nhiệm, lo lắng, chăm sóc cho con đầy đủ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định về tâm sinh lý, chỗ ở của con chung, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà D, giao con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp trước đây tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và :Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

- Căn cứ các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị D đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng T về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị D được ly hôn ông Nguyễn Hoàng T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91, đăng ký ngày 19/10/2022 tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung và nuôi con: Ông T được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Hoàng An N, sinh ngày 24/02/2023.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà D. Bà D không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung của ông T. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà D, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà D chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032720, ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV15 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- UBND P.Phú An, TP.HCM;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TAND KHU VỰC 15

M2E050526.TL.QDBA
1641

Trần Thanh Bình